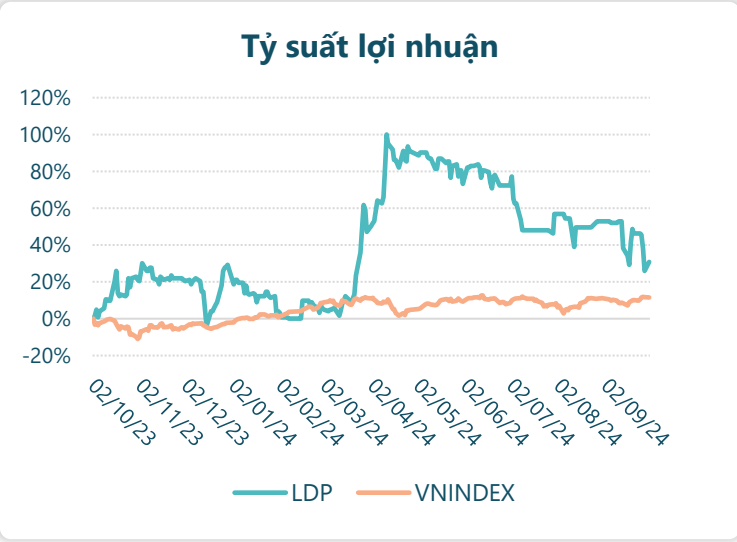


Ngày	16,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-14.4%	-20.7%	-13.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,800 - 24,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	205
Số lượng CPLH (CP)	12,703,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,765
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.11)
EPS	-478
P/E	-33.7



Doanh thu thuần
Q3/24

53.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.40 | 11.4%

YoY: ▲ 0.70 | 1.4%

Nợ/VCSH
Q3/24

90.8%

YoY: +/-▼ 14.0%

LN gộp
Q3/24

15.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.10 | 7.5%

YoY: ▲ 2.50 | 18.9%

ROE (TTM)
Q3/24

-6.1%

YoY: +/-▲ 3.0%

LN trước thuế
Q3/24

1.96

tỷ VNĐ

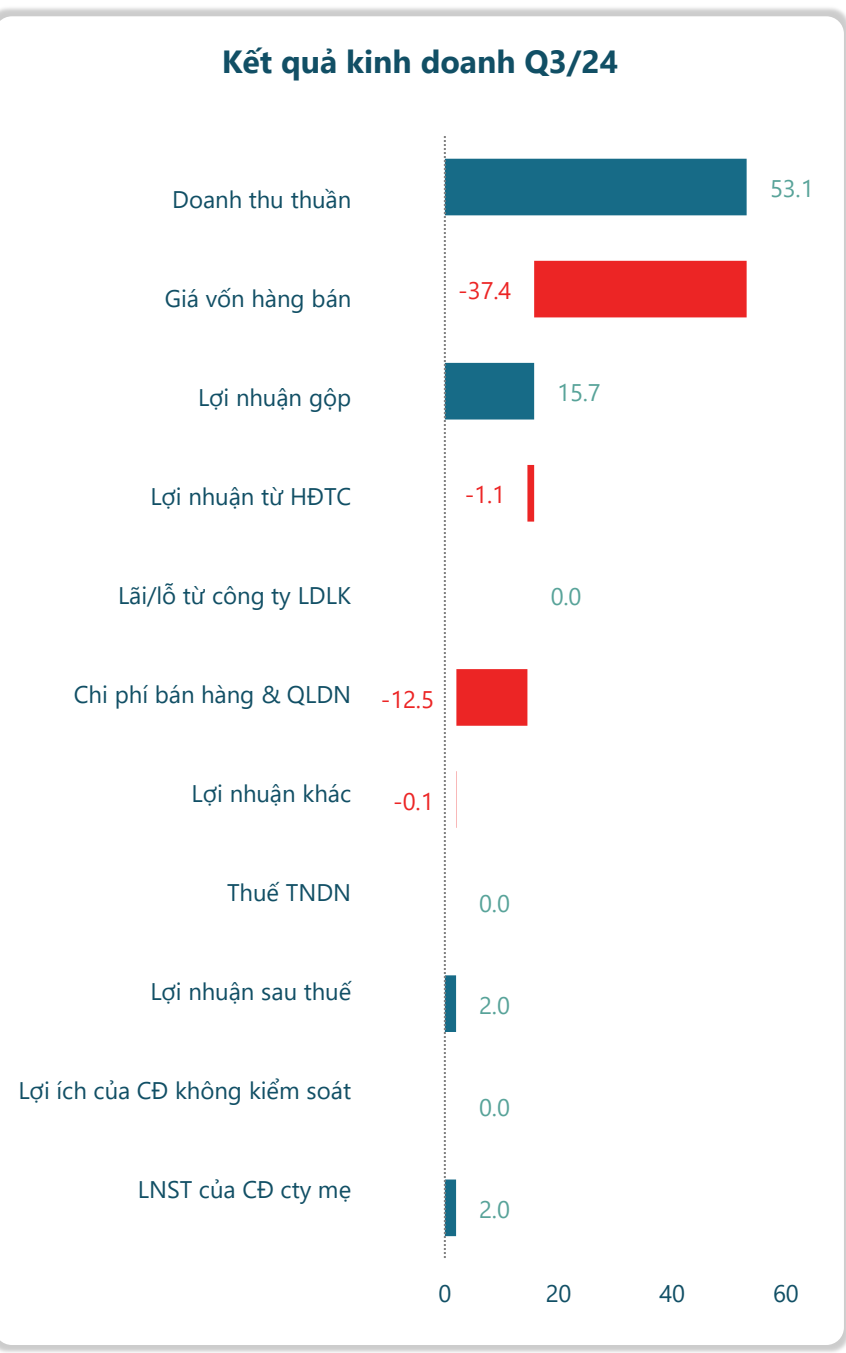
QoQ: ▲ 0.31 | 19.0%

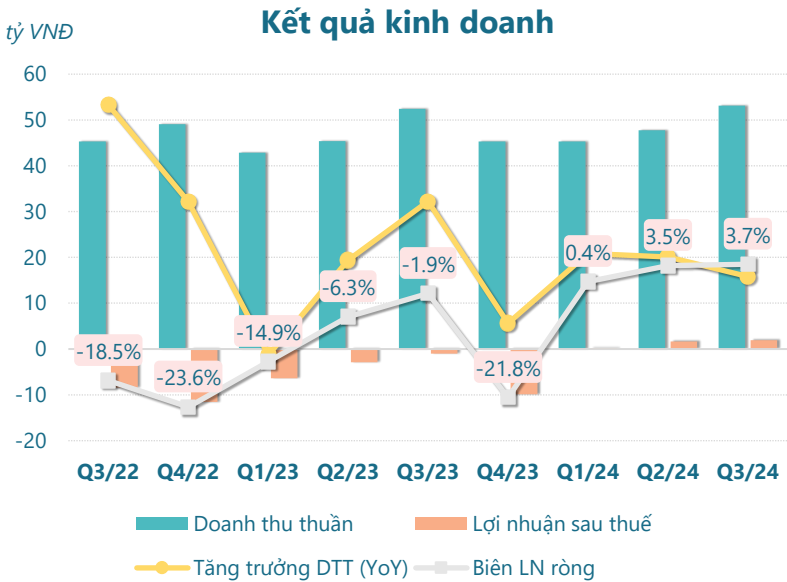
YoY: ▲ 2.95 | 298%

ROA (TTM)
Q3/24

-3.2%

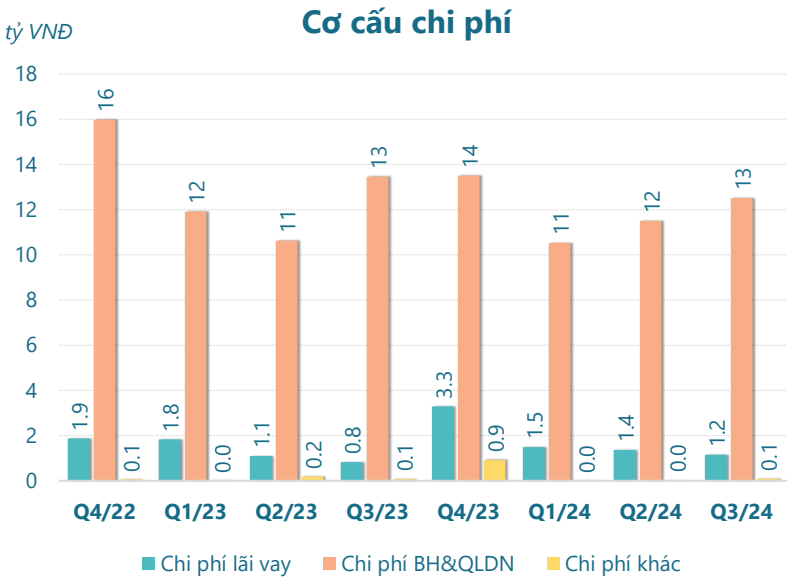
YoY: +/-▲ 1.3%





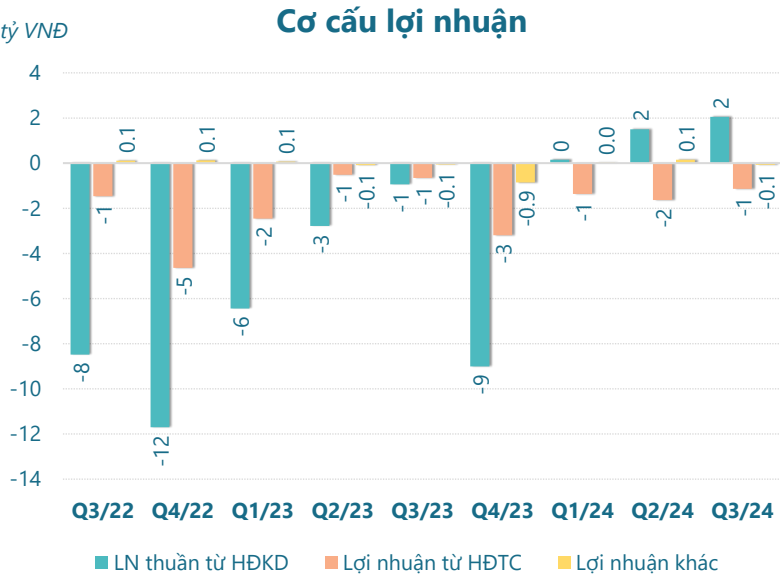
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 2.04 tỷ đồng**, tăng thêm 36.0% so với kỳ trước và tăng thêm 2.97 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.14 tỷ đồng** tăng thêm 0.49 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.49 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.08 tỷ đồng** giảm đi 157% so với kỳ trước và giảm đi 0.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **LDP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **53.12 tỷ đồng** tăng thêm **1.34%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.96 tỷ đồng, tăng thêm 2.95 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **146.0 tỷ đồng** cao hơn 3.55% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.00 tỷ đồng** tăng thêm 14.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **1.15 tỷ đồng** giảm đi 16.1% so với kỳ trước và cao hơn 40.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.52 tỷ đồng** tăng thêm 8.87% so với kỳ trước và thấp hơn 6.98% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.09 tỷ đồng** tăng thêm 350% so với kỳ trước và cao hơn 12.5% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	53.1	47.7	11.4%	52.4	1.4%	146	141	3.9%
Giá vốn hàng bán	37.4	33.1	13.1%	39.2	-4.5%	104	111	-6.7%
Lợi nhuận gộp	15.7	14.6	7.5%	13.2	18.9%	42.4	29.5	43.8%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.09	-0.3%	0.17	-47.2%	0.31	0.75	-59.4%
Chi phí TC	1.23	1.72	-28.7%	0.82	49.6%	4.44	4.38	1.5%
Chi phí lãi vay	1.15	1.37	-15.8%	0.82	40.6%	4.01	3.74	7.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.97	5.78	38.0%	8.97	-11.1%	20.5	23.1	-11.1%
Chi phí QLDN	4.54	5.72	-20.6%	4.49	1.1%	14.0	12.9	8.6%
LN thuần từ HĐKD	2.04	1.50	36.2%	-0.93	320%	3.70	-10.2	136%
Lợi nhuận khác	-0.08	0.14	-157%	-0.06	-33.7%	0.09	-0.08	217%
LN trước thuế	1.96	1.65	19.0%	-0.99	298%	3.79	-10.2	137%
Lợi nhuận sau thuế	1.96	1.65	19.0%	-0.99	298%	3.79	-10.2	137%
LNST của CĐ cty mẹ	1.96	1.65	19.0%	-0.99	298%	3.79	-10.2	137%

